

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS - ST
Ngày 15/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Huệ

Ông Vi Thanh Cầm

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Quế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS, ngày 05 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Thị Q** (Tên gọi khác: Không có); Sinh ngày 22 tháng 10 năm 1968 tại tỉnh T; HKTT: Xóm L, xã H, huyện V, tỉnh T; chỗ ở hiện nay (tạm trú): Tiểu khu 7, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ H văn: 4/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị B; chồng Dương Văn T1 (đã ly hôn); có 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2008); Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 01/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Những người làm chứng:*

1. Đinh Thị H - sinh năm 1989; trú tại: Thôn B, xã N, huyện V, tỉnh Y;
Vắng mặt.

2. Vũ Thị N - sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T; Vắng mặt.

3. Nguyễn Đình T - sinh năm 1998; trú tại: xã Đ, huyện H, tỉnh T; Vắng mặt.

4. Tạ Tuấn A - sinh năm 1995; trú tại: Tổ 14, phường Q, thành phố T, tỉnh N; Vắng mặt.

5. Trần Duy H2 - sinh năm 1982; trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn N, huyện S, tỉnh Bắc Kạn; Vắng mặt.

6. Nguyễn Đình N1 - sinh năm 1999; trú tại: Xóm T, xã C, huyện Või, tỉnh T; Vắng mặt.

7. Mã Nông H4 - sinh năm 1990; trú tại: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; Vắng mặt.

8. Hoàng Văn T1 - sinh năm 1977; trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua người quen giới thiệu, Vũ Thị N, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T và Đinh Thị H, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã N, huyện V, tỉnh Y, đến quán cà phê tại Tiểu khu 7, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn do Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968, trú tại xóm L, xã H, huyện V, tỉnh T làm chủ quán để hoạt động mại dâm và được Q đồng ý. Giữa Q với N, H thỏa thuận bằng miệng với nhau là: Khi khách đến quán có nhu cầu mua dâm thì Q sẽ đứng ra thỏa thuận, thu tiền của khách, mỗi khách mua dâm thì Q sẽ thu từ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đến 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) một lượt và chia cho người trực tiếp bán dâm số tiền là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), trừ tiền phòng nghỉ và các chi phí phát sinh khác, Q được hưởng số tiền còn lại; đối với khách có nhu cầu mua dâm qua đêm, Q sẽ thu từ 700.000đ (*bảy trăm nghìn đồng*) đến 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) một người.

Khoảng 20 giờ ngày 29/12/2019 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà nghỉ P thuộc tiểu khu 7, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có biểu hiện hoạt động mại dâm, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn thành lập tổ công tác phối hợp với Công an huyện B và chính quyền thị trấn C kiểm tra tại nhà nghỉ P vào lúc 23 giờ 00 ngày 29/12/2019. Kết quả kiểm tra phát hiện:

- Tại phòng 102: Có 01 (một) đôi nam, nữ không mặc quần áo là Nguyễn Đình T, sinh năm 1998, trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh T và Đinh Thị H, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã N, huyện V, tỉnh Y. Thu giữ 04 (bốn) vỏ bao cao su nhãn hiệu ROMAS đã qua sử dụng trong bộ đựng rác; 02 (hai) bao cao su còn nguyên.

- Tại phòng 107: có 01 (một) đôi nam, nữ đang quan hệ tình dục với nhau là Tạ Tuấn A, sinh năm 1995, trú tại tổ 14, phường Q, thành phố T, tỉnh T và Vũ Thị N, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh T. Thu giữ: 02 (hai) vỏ bao cao su màu vàng đã qua sử dụng; 01 (một) bao cao su nhãn hiệu ROMAS đã bóc chưa qua sử dụng.

- Tại phòng 108: có 01 đôi nam, nữ đang quan hệ tình dục với nhau là Lộc Thị H3, sinh năm 1980, trú tại thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Hoàng Văn L, sinh năm 1979, trú tại thôn P, xã Đ, huyện B.

Tại thời điểm kiểm tra, quán cà phê nằm trong khuôn viên nhà nghỉ P do Nguyễn Thị Q làm chủ có những người sau: Nguyễn Thị Q - chủ quán; Kiều Văn C.; Mã Nông H2, sinh năm 1990, Trần Duy Hoan, sinh năm 1982; Nguyễn Đình N, sinh năm 1999. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nguyễn Thị Q tại tiểu khu 7, thị trấn Cã, huyện B. Kết quả phát hiện, tạm giữ:

- Số tiền 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) gồm 04 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000đ trong túi áo khoác Nguyễn Thị Q đang mặc; 03 (ba) bao cao su nhãn hiệu KOMAX chưa qua sử dụng tại tủ kính gần cửa buồng trong quán.

- Thu giữ trong buồng ngủ của Nguyễn Thị Q: Số tiền 18.475.000đ (*mười tám triệu, bốn trăm bảy năm nghìn đồng*) trong ví màu nâu để trong tủ đựng quần áo; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xám; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím đen; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Q; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thương; 01 (một) thẻ ATM mang tên Nguyễn Thị Q;

- Thu giữ trong phòng ngủ sau bếp của quán cà phê: 02 (hai) túi màu đỏ; 01 (một) túi đeo màu nâu; Số tiền 490.000đ (*bốn trăm chín mươi nghìn đồng*) trong túi màu đỏ; Số tiền 710.000đ (*bảy trăm mười nghìn đồng*) trong túi đeo màu nâu; 20 (hai mươi) chiếc bao cao su nhãn hiệu KOMAX chưa qua sử dụng; 01 (một) quyển sổ màu xanh bên ngoài sổ có dòng chữ “Scenry” bên trong có chữ và số; 01 (một) quyển sổ tay bên ngoài sổ có dòng chữ “Office & Note Notebook” bên trong có chữ và số; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị N; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Vũ Thị N; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Đình Thị H; 01 (một) nhẫn bằng kim loại màu trắng bạc; 02 (hai) nhẫn bằng kim loại màu vàng; 01 (một) đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng.

Quá trình điều tra các đối tượng mua, bán dâm khai nhận:

Đối với Trần Duy H2 qua bạn bè giới thiệu, H2 biết tại nhà nghỉ P có gái bán dâm, khoảng 21 giờ 30 ngày 29/12/2019, Hoan rủ thêm bạn là Nguyễn Đình Nam đi đến nhà nghỉ P để tìm mua dâm. Khi vào trong khuôn viên nhà nghỉ P thì H2 và N1 đi vào quán nước của Nguyễn Thị Q và gặp Q đang ngồi trong quán. H2, N1 ngồi xuống cùng bàn với Q, sau đó H2 hỏi Q là “*Có nhân viên nữ không bố*

trí cho hai anh em cháu hai cô” (ý nói là có gái bán dâm không), Q trả lời là “Có”, sau đó H2 và Q thỏa thuận, thống nhất với nhau giá tiền là 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) trên một lượt mua dâm với một nhân viên nữ của Q. Sau khi thỏa thuận xong, H2 rút từ túi quần ra số tiền 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) gồm 04 (bốn) tờ loại tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đưa cho Q cầm, sau khi cầm tiền xong Q gọi hai nhân viên nữ là Vũ Thị N và Đinh Thị H đi sang nhà nghỉ P để bán dâm cho khách. H2 và Nam đi sang phòng nghỉ trước, sau đó khoảng 02 phút thì N1 và H sang sau. H và H quan hệ tình dục với nhau tại phòng 103; N1 và N quan hệ tình dục với nhau tại phòng 101. Sau khi quan hệ tình dục xong, cả bốn người đều quay lại quán nước của Nguyễn Thị Q ngồi chơi, nói chuyện.

Đối với Nguyễn Đình T và Tạ Tuấn A khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/12/2019, Trường và Tuấn A đến quán cà phê của Nguyễn Thị Q với mục đích để tìm mua dâm. Khi vào quán, T và Tuấn A gọi nước uống được một lúc thì thấy N1, H2 đi từ phía nhà nghỉ sang quán. Sau đó, T đứng dậy đi đến gần chỗ Q đang ngồi gần tủ kính trao đổi về việc mua dâm với Q và được Q thống nhất giá tiền là 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) cho mỗi lượt mua dâm với một nhân viên nữ, T đồng ý và đưa cho Q số tiền là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) gồm 4 tờ loại tiền Việt Nam đồng mệnh giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) là tiền mua dâm của cả T và Tuấn A. Nhận tiền xong, Q cất tiền vào túi áo đang mặc trên người và gọi Vũ Thị N, Đinh Thị H đi cùng T và Tuấn A sang nhà nghỉ P để bán dâm, Tuấn A và H quan hệ tình dục với nhau tại phòng 102, còn Trường và N quan hệ tình dục với nhau tại phòng 107, khi đang quan hệ tình dục thì cơ quan Công an kiểm tra và phát hiện việc mua bán dâm.

Vũ Thị N và Đinh Thị H khai nhận bản thân đến quán của Nguyễn Thị Q để bán dâm cho khách có nhu cầu mua dâm. Việc thỏa thuận, thu tiền của khách mua dâm sẽ do Nguyễn Thị Q thực hiện. H, N thỏa thuận với Nguyễn Thị Q mỗi lượt “tàu nhanh” (tức bán dâm quan hệ tình dục theo lượt) Q sẽ thu từ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đến 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*), sau đó Q sẽ chia cho người trực tiếp bán dâm mỗi lượt 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*); đối với khách mua dâm qua đêm, Q sẽ thu từ 700.000đ (*bảy trăm nghìn đồng*) đến 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*), Q sẽ chia cho người trực tiếp bán dâm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Sau khi trả tiền phòng, tiền nước uống của khách, số tiền còn lại Q được hưởng. Trong buổi tối ngày 29/12/2019, N và H mỗi người đã bán dâm cho 02 lượt khách, ngoài 02 khách là Nguyễn Đình T, Tạ Tuấn A bị phát hiện khi đang bán dâm thì còn 02 khách đã mua dâm trước đó và đang ngồi tại quán nước của Nguyễn Thị Q là Trần Duy H2 và Nguyễn Đình N1.

Quá trình điều tra, trong thời gian từ ngày 29/12/2019 đến ngày 15/01/2020 bị cáo Nguyễn Thị Q khai nhận được môi giới, dẫn dắt cho Đinh Thị H và Vũ Thị N bán dâm cho Trần Duy H2, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Đình T, Tạ Tuấn A tại

các phòng 101, 102, 102, 107 nhà nghỉ P, Q thu của H2 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), thu của T 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), gồm các tờ tiền loại mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), số tiền trên Cơ quan điều tra đã tạm giữ khi khám xét. Nếu không bị phát hiện thu giữ số tiền 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng) mà H2, T đã trả, Nguyễn Thị Q sẽ chia tiền bán dâm cho N, H mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); trả tiền nhà nghỉ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) và tiền nước 140.000đ (một trăm bốn mươi nghìn đồng). Q được hưởng lợi từ việc bán dâm của Vũ Thị N, Đinh Thị H số tiền là 460.000đ (*bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*). Lời khai của bị cáo Q phù hợp với lời khai của N, H và các đối tượng mua dâm cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Sau đó từ biên bản hỏi cung ngày 11/02/2020 Nguyễn Thị Q thay đổi lời khai, không thừa nhận việc thỏa thuận mua bán dâm với H2, N1, T, Tuấn A. Việc mua bán dâm là do N, H tự thỏa thuận với H2, N1, T, Tuấn A; Q không được nhận tiền từ T và H2 mà do N, H đưa cho Q.

Do có mâu thuẫn trong lời khai giữa Nguyễn Thị Q với Vũ Thị N, Đinh Thị H, Trần Duy H2, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Đình T, Tạ Tuấn A Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thị Q với Trần Duy H2, Nguyễn Đình N1, Tạ Tuấn A, Đinh Thị H. Kết quả: Trần Duy H2, Nguyễn Đình N1, Tạ Tuấn A, Đinh Thị H giữ nguyên lời khai như đã khai báo trước Cơ quan điều tra, đều khẳng định Nguyễn Thị Q là người môi giới, dẫn dắt cho H, N bán dâm cho H2, N1, T, Tuấn A và Nguyễn Thị Q đã thu tiền của H2, T là 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng). Riêng đối với Nguyễn Đình T và Vũ Thị N, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần để đối chất nhưng không có mặt, qua xác minh T và N không có mặt tại địa phương và không xác định được T, N đang ở đâu nên không tiến hành đối chất được.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKS-P1 ngày 29/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật 328 Bộ luật hình sự có nội dung:

“1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a).....;

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Đối với 02 người trở lên;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội là trong 29/12/2019, bị cáo đã làm trung gian, thỏa thuận giá cả để hai nhân viên của mình là Vũ Thị N và Đinh Thị H bán dâm 02 (hai) lần thu lời bất chính số tiền 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Mặc dù, quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Q thay đổi lời khai gây khó khăn cho quá trình xác định sự thật của vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và nộp thêm tài liệu chứng minh bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong vụ án khác. Ngoài ra, bị cáo có chú ruột là Liệt sĩ. Do đó, đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54/BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q từ 18 đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo Q từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra ban đầu bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ thu thập được. Tuy nhiên, đến ngày 11/02/2020 bị cáo Nguyễn Thị Q thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và những người làm chứng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ ăn năn hối cải và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như cáo trạng đã truy tố là đúng. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Trong 29/12/2019, Nguyễn Thị Q đã làm trung gian, thỏa thuận giá cả để hai nhân viên của mình là Vũ Thị N và Đinh Thị H bán dâm 02 (hai) lần thu lời bất chính số tiền 1.600.000đ (một triệu, sáu trăm nghìn đồng) cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ 30 phút, Vũ Thị N bán dâm cho Nguyễn Đình N1 tại phòng 101; Đinh Thị H bán dâm cho Trần Duy H2 tại phòng 103. Quy thu của H 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ 30 Vũ Thị N bán dâm cho Tạ Tuấn A tại phòng 107 và Đinh Thị H bán dâm cho Nguyễn Đình T tại phòng 102. Quy thu của T 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất nghiêm trọng, mức độ phạm tội của bị cáo thấy.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi môi giới mại dâm gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự địa phương và trái với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Hành vi môi giới mại dâm được điều chỉnh bằng pháp luật hình sự nhưng do hám lợi bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân ngày 01/9/2020, bị cáo Nguyễn Thị Q bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tuyên bố phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt tiền với số tiền 35.000.000đ (*ba mươi lăm triệu đồng*).

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo cung cấp thêm giấy xác nhận của Cơ quan công an huyện B vì đã giúp cơ quan công an trong quá trình điều tra vụ án khác; Ngoài ra, bị cáo có chú ruột là liệt sĩ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54/BLHS xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện có mục đích lợi nhuận và thu lợi bất chính, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

+ Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị là các vỏ bao cao su đã qua sử dụng và chưa qua sử dụng trong các phong bì sau: 01 phong bì ký hiệu “PHÒNG 102”; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “Phòng 107”; 01 phong bì ký hiệu “107A”; 01 phong bì ký hiệu “107B”; 01 phong bì ký hiệu “B-Q”; 20 bao cao su nhãn hiệu “Romax” chưa qua sử dụng.

+ Đối với số tiền 800.000đ niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT1” và số tiền 18.475.000đ niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT2”. Tịch thu sung vào N

sách Nhà nước 1.600.000đ là tiền do phạm tội mà có, số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua, bán dâm của Đinh Thị H, Vũ Thị N, Trần Duy H2, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Đình T1, Tạ Tuấn A. Qua điều tra xác định không đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra xác định nhà nghỉ P do ông Hoàng Kim C sinh năm 1953, trú tại Tiểu khu 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, chủ tịch hội đồng quản trị công ty cổ phần du lịch xuất nhập khẩu và du lịch B quản lý, từ ngày 01/01/2019 Nguyễn Thị Q làm hợp đồng thuê mặt bằng với công ty để kinh doanh cà phê, nước giải khát, Nguyễn Thị Q có hoạt động môi giới mại dâm công ty không nắm được. Về địa điểm thực hiện hành vi mua bán dâm tại các phòng 101, 102, 103, 107 của nhà nghỉ P, thời điểm Nguyễn Thị Q lấy phòng nghỉ là ca làm việc của ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1977, trú tại Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là bảo vệ kiêm lễ tân của nhà nghỉ. Qua điều tra xác định, do thường xuyên thuê phòng nghỉ nên Nguyễn Thị Q lấy phòng trước rồi mới thông báo cho ông T1, ông T1 không biết Q thuê phòng để làm gì, do đó không có cơ sở xử lý hình sự đối với ông Hoàng Văn T1. Tuy nhiên, khi có khách đến lấy phòng, ông T1 đã không kiểm tra giấy tờ tùy thân của khách đến nghỉ và vào sổ để khai báo lưu trú, do đó vi phạm quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu T1 kinh doanh có điều kiện theo Điều 44, Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Công an huyện B để xem xét xử lý vi phạm hành chính đối với chủ nhà nghỉ Phja Bjoóc và cá nhân ông Hoàng Văn T1 theo quy định của pháp luật.

Đối với Hoàng Văn L và Lộc Thị H3 qua điều tra xác định mặc dù cả hai đã có gia đình riêng, nhưng do có mối quan hệ tình cảm nên cùng nhau đến nhà nghỉ Phja Bjoóc thuê phòng để quan hệ tình dục. Hành vi của L và H3 không liên quan đến hoạt động môi giới mại dâm của Nguyễn Thị Quy và cũng chưa gây ra hậu quả đến mức vi phạm pháp luật, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 4 Điều 328; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Quy 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị là các vỏ bao cao su đã qua sử dụng và chưa qua sử dụng trong các phong bì sau: 01 phong bì ký hiệu “PHÒNG 102”; 01 phong bì niêm phong ký hiệu “Phòng 107”; 01 phong bì ký hiệu “107A”; 01 phong bì ký hiệu “107B”; 01 phong bì ký hiệu “B-Q”; 20 bao cao su nhãn hiệu “Romax” chưa qua sử dụng.

+ Đối với số tiền 800.000đ niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT1” và số tiền 18.475.000đ niêm phong trong phong bì ký hiệu “ĐT2”. Tịch thu sung vào N sách Nhà nước 1.600.000đ là tiền do phạm tội mà có, số còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp N sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ - CAT;
- Phòng PC02- CAT;
- Trại tạm giam - CAT;
- Sở T1 pháp;
- Cục THADS;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Đức Quế